TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/ HNGĐ- ST
Ngày 06/6/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Minh Hằng

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2017, nhà văn hóa Khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Trần Lợi T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 323, khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Khắc B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 323, khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Lợi T và anh Vũ Khắc B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990. Vì nhận thức không đầy đủ quy định của pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị tổ chức cuộc sống chung tại số nhà 323 khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Anh chị có nhiều năm sống hòa thuận. Năm 2006 chị T đi lao động tại Liên bang Nga đến ngày 03/9/2016 chị T về nước. Từ năm 2008 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị nghi ngờ nhau có quan hệ

ngoại tình, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ khi chị T về nước, anh chị sống chung thời gian ngắn thì ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị T và anh B đều xác định không còn tình cảm với nhau, chị T xin ly hôn, anh B đồng ý. Về con chung: Chị T và anh B có hai con chung là Vũ Khắc N, sinh năm 1990 và Vũ Ngọc L, sinh năm 1994. Cả hai con đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh B thường, chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2017, Ủy ban nhân dân phường S, thị xã C xác định: Không có tên chị T và anh B trong sổ đăng ký kết hôn phường S, thị xã C.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh B xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 1990 không đăng ký kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008 nhưng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 9/2016 khi chị T về nước. Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị T và anh B là vợ chồng; về quan hệ con chung và về tài sản: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị T và anh B tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng từ năm 1990, có hai con chung. Yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là không hợp pháp. Anh chị có thời gian dài chung sống hòa thuận. Từ cuối năm 2016, anh chị mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nguyên nhân do anh chị nghi ngờ lòng thủy chung của nhau và không thống nhất trong cách thức tổ chức sinh hoạt gia đình, phát triển kinh tế. Nay chị T có yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội tuyên bố không công nhận chị chị T và anh B là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: Cả hai con chung của anh chị đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh B thường, anh chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên không xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh B có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án phân chia nên không xét.

[2.4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận chị Trần Lợi T và anh Vũ Khắc B là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Chị T và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Lợi T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0003065 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản qán trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Hữu Hiệu